

**CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ
LẮP MÁY DẦU KHÍ**

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Văn Quang	Chủ tịch
Ông Thái Doãn Thuyết	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Hương	Ủy viên
Ông Nguyễn Đình Thế	Ủy viên
Ông Phạm Chu Tứ	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Đình Thế	Giám đốc
Ông Trần Vũ Phụng	Phó Giám đốc
Ông Phạm Chu Tứ	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Tấn Yên	Phó Giám đốc
Ông Phạm Tất Thành	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Đình Thế
Giám đốc

Số: 213 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí

Chúng tôi đã soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 30. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Phạm Hoài Nam
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0042/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 11 tháng 8 năm 2012
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Hoàng Văn Kiên
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1130/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU SỐ B 01 - DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		772.979.315.823	718.364.932.882
(100 = 110+120+130+140+150)				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	144.338.615.406	256.885.890.793
1. Tiền	111		7.222.436.792	69.658.064.334
2. Các khoản tương đương tiền	112		137.116.178.614	187.227.826.459
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		457.189.692.715	315.698.179.855
1. Phải thu khách hàng	131	5	362.859.767.223	136.155.220.989
2. Trả trước cho người bán	132		17.720.990.779	12.774.361.998
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	6	59.834.369.871	88.232.978.632
4. Các khoản phải thu khác	135	7	21.363.477.183	82.308.273.019
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(4.588.912.341)	(3.772.654.783)
III. Hàng tồn kho	140	8	164.690.672.407	120.273.816.440
1. Hàng tồn kho	141		164.690.672.407	120.273.816.440
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.760.335.295	25.507.045.794
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.047.976.736	63.469.049
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		846.883.695	21.330.685.239
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1.639.358.763	1.564.023.263
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	3.226.116.101	2.548.868.243
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		930.920.344.911	947.404.544.407
I. Tài sản cố định	220		743.837.745.101	774.091.482.645
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	712.029.789.115	748.934.740.520
- Nguyên giá	222		794.460.865.352	809.020.920.450
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(82.431.076.237)	(60.086.179.930)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	11	7.194.179.216	8.090.529.794
- Nguyên giá	225		8.988.130.793	8.988.130.793
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.793.951.577)	(897.600.999)
3. Tài sản cố định vô hình	227	12	17.474.177.702	16.969.660.252
- Nguyên giá	228		19.417.492.392	18.228.907.392
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.943.314.690)	(1.259.247.140)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	7.139.599.068	96.552.079
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		70.000.000.000	55.000.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	14	70.000.000.000	55.000.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		117.082.599.810	118.313.061.762
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	113.168.942.128	117.288.325.080
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		49.425.682	49.425.682
3. Tài sản dài hạn khác	268		3.864.232.000	975.311.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.703.899.660.734	1.665.769.477.289

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU SỐ B 01 - DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		1.202.944.384.706	1.200.110.776.052
I. Nợ ngắn hạn	310		754.188.309.856	752.016.452.936
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	310.699.803.178	289.309.678.284
2. Phải trả người bán	312		257.481.963.728	146.900.387.889
3. Người mua trả tiền trước	313		19.955.232.973	58.872.508.010
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	20.219.143.772	17.323.571.714
5. Phải trả người lao động	315		34.813.050.103	55.231.761.617
6. Chi phí phải trả	316	18	95.562.263.498	175.361.071.887
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		3.310.659.693	7.144.957.066
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		12.146.192.911	1.872.516.469
II. Nợ dài hạn	330		448.756.074.850	448.094.323.116
1. Vay và nợ dài hạn	334	19	445.649.331.455	445.648.598.455
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		628.809.375	644.554.475
3. Dự phòng phải trả dài hạn	337		2.169.906.020	1.801.170.186
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		308.028.000	-
B. NGUỒN VỐN (400 = 410)	400		500.955.276.028	465.658.701.237
I. Vốn chủ sở hữu	410		500.955.276.028	465.658.701.237
1. Vốn điều lệ	411	20	375.180.010.000	375.180.010.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417	20	42.542.390.789	17.588.336.323
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	20	10.635.597.697	4.397.084.080
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	20	72.597.277.542	68.493.270.834
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.703.899.660.734	1.665.769.477.289

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**CHỈ TIÊU**

Ngoại tệ các loại

USD

30/6/2012**31/12/2011**

13.591,63

20.812,14



Nguyễn Đình Thế
Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2012

Nguyễn Đức Đạt
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu

Báo cáo tài chính

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

MẪU SỐ B 02 - DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	751.545.489.849	423.826.828.424
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		751.545.489.849	423.826.828.424
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	22	605.468.572.504	308.481.454.519
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		146.076.917.345	115.345.373.905
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	13.249.051.382	5.075.241.466
6. Chi phí tài chính	22	24	55.583.437.012	16.184.841.879
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		53.971.396.519	16.184.841.879
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		24.172.941.246	26.036.027.664
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		79.569.590.469	78.199.745.828
9. Thu nhập khác	31		2.851.116.689	627.556.572
10. Chi phí khác	32		1.760.811.752	503.525.145
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.090.304.937	124.031.427
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		80.659.895.406	78.323.777.255
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	20.546.827.120	19.711.704.118
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	75.216.577
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		60.113.068.286	58.536.856.560
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	1.602	2.830



Nguyễn Đình Thế
Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2012

Nguyễn Đức Đạt
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu

Báo cáo tài chính

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

Mẫu số B 03 - DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	80.659.895.406	78.323.777.255
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	23.925.314.435	8.589.347.829
Các khoản dự phòng	03	816.257.558	1.343.208.761
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	75.298.360	58.420.315
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(12.792.156.827)	(5.075.241.466)
Chi phí lãi vay	06	53.971.396.519	16.184.841.879
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	146.656.005.451	99.424.354.573
(Tăng) các khoản phải thu	09	(213.546.406.143)	(161.922.336.946)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(44.416.855.967)	(41.509.980.476)
Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	10.740.162.013	49.016.011.797
Giảm chi phí trả trước	12	3.134.875.265	22.654.466.776
Tiền lãi vay đã trả	13	(68.900.955.627)	(19.852.368.520)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(24.027.590.557)	(27.568.720.287)
Chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.084.875.961)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(191.445.641.526)	(79.758.573.083)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(12.760.075.201)	(109.793.845.885)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	75.000.000.000	10.000.000.000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(5.000.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.606.747.122	4.990.586.756
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	73.846.671.921	(99.803.259.129)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của các cổ đông	31	-	174.195.510.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	153.512.258.342	448.769.763.616
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(131.380.227.869)	(159.943.866.728)
4. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(741.905.579)	(482.639.257)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(16.335.204.871)	(12.093.323.809)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	5.054.920.023	450.445.443.822
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(112.544.049.582)	270.883.611.610
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	256.885.890.793	57.102.914.691
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ hối đoái giá quy đổi ngoại tệ	61	(3.225.805)	84.654.710
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	144.338.615.406	328.071.181.011

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm 4.353.980.199 VND (từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011: 37.224.143.826 VND) là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Nguyễn Đình Thế
Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2012

Nguyễn Đức Đạt
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 3500834094, đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 11 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 26 tháng 11 năm 2011.

Vốn điều lệ của Công ty cổ phần là 375.180.010.000 VND, được chia thành 37.518.001 cổ phần phổ thông, mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 đồng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty có các chi nhánh sau:

- Xí nghiệp Xây lắp 1
- Xí nghiệp Xây lắp 2
- Xí nghiệp Xây lắp 3
- Xí nghiệp Dịch vụ Cảng
- Trung tâm Thiết kế và Triển khai Dự án

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 1.668 (31 tháng 12 năm 2011: 1.440).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Khảo sát thiết kế, chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng dầu, khí hóa lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ;
- Xây dựng công trình dầu khí (ngoài khơi và trên đất liền); xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cảng sông, cảng biển; xây dựng đô thị, kinh doanh văn phòng;
- Đóng tàu, đóng giàn khoan đất liền, ngoài biển;
- Sản xuất thiết bị cơ khí phục vụ ngành dầu khí, đóng tàu và kinh doanh cảng sông, cảng biển;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Chế tạo và cung cấp các loại ống chống cần khoan, ống nối, khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong công nghiệp;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị xây dựng dầu khí;
- Kinh doanh bất động sản và cho thuê văn phòng;
- Đầu tư xây dựng các nhà máy chế tạo ống thép, nhà máy chế tạo cơ khí, phục vụ ngành dầu khí;
- Đầu tư xây dựng cảng sông, cảng biển, xây dựng các khu công nghiệp;
- Đào tạo nâng cao cán bộ công nhân kỹ thuật chuyên ngành.

Hoạt động chính của Công ty là khảo sát thiết kế và xây dựng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, cầm cố, ký quỹ, ký cược và đầu tư dài hạn khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay, nợ thuê tài chính và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu

Báo cáo tài chính

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty không có vật tư, hàng hóa tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất nên không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2012
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 30
Máy móc, thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải	5 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 6

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

2012**Số năm****5**

Phương tiện vận tải

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Công ty có quyền sử dụng 1.218 m² đất lâu dài và 307,6 m² đất với thời hạn sử dụng là 34 năm tại ấp Gò Lức, xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang và 3.570,9 m² đất với thời hạn sử dụng là 32 năm tại số 2, Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê hạ tầng, lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí thuê hạ tầng bãi cảng Sao Mai Bến Đình với số tiền 107.135.643.174 VND, được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian thuê (49 năm) từ ngày 16 tháng 9 năm 2010.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2010 với số tiền là 6.580.700.000 VND và được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh trong vòng 3 năm. Theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, việc phân bổ lợi thế kinh doanh trong thời gian 3 năm là phù hợp với các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu từ chuyển nhượng bất động sản

Đối với bất động sản mà Công ty bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến bất động sản đã được chuyển giao sang người mua. Đối với bất động sản được bán trước khi xây dựng hoàn tất mà theo đó Công ty có nghĩa vụ xây dựng và hoàn tất dự án bất động sản và người mua thanh toán tiền theo tiến độ xây dựng và chấp nhận các lợi ích và rủi ro từ những biến động trên thị trường, doanh thu và giá vốn được ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành của công việc xây dựng vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá vốn của bất động sản bán trước khi xây dựng hoàn tất được xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh cho đất đai và chi phí xây dựng ước tính để hoàn tất dự án bất động sản. Chi phí ước tính để xây dựng bất động sản được trích trước và các khoản chi thực tế sẽ được ghi giảm vào tài khoản chi phí phải trả này.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

(a) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

(b) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Phần công việc đã hoàn thành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền mặt	582.294.417	3.280.080.393
Tiền gửi ngân hàng	6.640.142.375	66.377.983.941
Các khoản tương đương tiền (*)	137.116.178.614	187.227.826.459
	144.338.615.406	256.885.890.793

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng.

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, số dư các khoản phải thu khách hàng chủ yếu phản ánh khoản phải thu Công ty Liên doanh Điều hành chung Hoàng Long từ việc thi công công trình chế tạo Topside Tê Giác Trắng - H4 Hoàng Long với số tiền là 275.457.036.331 VND (31 tháng 12 năm 2011: 82.653.329.264 VND).

6. HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Hợp đồng dở dang tại ngày kết thúc kỳ kế toán:		
Khoản phải thu từ khách hàng của hợp đồng đã bao gồm trong khoản phải thu người bán và phải thu khác	59.834.369.871	88.232.978.632
	59.834.369.871	88.232.978.632
Chi phí hợp đồng xây dựng cộng lợi nhuận đã ghi nhận trừ các khoản lỗ đã ghi nhận lũy kế	134.423.998.488	353.610.457.829
Trừ: số đã phát hành hóa đơn theo tiến độ	74.589.628.617	265.377.479.197
	59.834.369.871	88.232.978.632

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Thuế GTGT chưa khấu trừ từ nhà thầu	8.935.647.119	-
Thanh toán trước tiền thuê tài chính	5.777.838.000	-
Thuế GTGT của tài sản thuê tài chính	3.316.587.634	543.990.844
Phải thu lãi tiền gửi dự thu	854.393.776	494.317.359
Phải thu Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	-	80.000.000.000
Các khoản phải thu khác	2.479.010.654	1.269.964.816
	21.363.477.183	82.308.273.019

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. HÀNG TỒN KHO**

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	861.888.777	513.621.178
Công cụ, dụng cụ	1.836.497.986	1.400.506.231
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	124.166.886.145	62.097.730.448
Hàng hóa bất động sản (*)	37.825.399.499	56.261.958.583
Cộng	164.690.672.407	120.273.816.440
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	164.690.672.407	120.273.816.440

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, số dư hàng hóa bất động sản thể hiện nguyên giá của các căn hộ chung cư chờ bán nằm trong Khu phức hợp chung cư cao ốc văn phòng tại số 2, Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tại ngày báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng, giá gốc của hàng hóa bất động sản thấp hơn giá trị thuần có thể thực hiện được nên không trích lập dự phòng giảm giá cho hàng hóa bất động sản.

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tạm ứng	2.837.683.854	2.548.568.243
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	388.432.247	300.000
	3.226.116.101	2.548.868.243

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2012	618.004.198.173	126.715.232.781	51.030.719.648	13.270.769.848	809.020.920.450
Đầu tư, mua sắm mới trong kỳ	715.000.000	7.936.168.866	-	231.254.545	8.882.423.411
Phân loại lại	-	-	511.449.800	(511.449.800)	-
Điều chỉnh theo quyết toán	(23.442.478.509)	-	-	-	(23.442.478.509)
Tại ngày 30/6/2012	595.276.719.664	134.651.401.647	51.542.169.448	12.990.574.593	794.460.865.352
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2012	3.178.198.742	38.476.390.221	13.455.619.353	4.975.971.614	60.086.179.930
Khấu hao trong kỳ	10.645.151.131	6.015.194.940	4.001.891.120	1.682.659.116	22.344.896.307
Phân loại lại	-	-	235.835.185	(235.835.185)	-
Tại ngày 30/6/2012	13.823.349.873	44.491.585.161	17.693.345.658	6.422.795.545	82.431.076.237
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2012	581.453.369.791	90.159.816.486	33.848.823.790	6.567.779.048	712.029.789.115
Tại ngày 31/12/2011	614.825.999.431	88.238.842.560	37.575.100.295	8.294.798.234	748.934.740.520

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 20.241.323.640 VND (31 tháng 12 năm 2011: 17.625.566.056 VND).

Như trình bày ở Thuyết minh số 19, Công ty đã thể chấp công trình Khu phức hợp chung cư cao ốc văn phòng tại số 2, Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 80.568.470.774 VND (31 tháng 12 năm 2011: 81.436.234.560 VND) để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu

Báo cáo tài chính

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Phương tiện vận tải
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2012	8.988.130.793
Thuê tài chính trong kỳ	-
Tại ngày 30/6/2012	8.988.130.793
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2012	897.600.999
Khấu hao trong kỳ	896.350.578
Tại ngày 30/6/2012	1.793.951.577
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 30/6/2012	7.194.179.216
Tại ngày 31/12/2011	8.090.529.794

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2012	16.244.034.715	1.984.872.677	18.228.907.392
Mua sắm mới trong kỳ	-	1.188.585.000	1.188.585.000
Tại ngày 30/6/2012	16.244.034.715	3.173.457.677	19.417.492.392
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2012	756.911.336	502.335.804	1.259.247.140
Khấu hao trong kỳ	488.360.496	195.707.054	684.067.550
Tại ngày 30/6/2012	1.245.271.832	698.042.858	1.943.314.690
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2012	14.998.762.883	2.475.414.819	17.474.177.702
Tại ngày 31/12/2011	15.487.123.379	1.482.536.873	16.969.660.252

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
- Công trình Bãi cảng chế tạo kết cấu kim loại và thiết bị dầu khí tại Khu căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai Bến Đình - Giai đoạn 2	7.043.046.989	-
- Mua sắm tài sản cố định	96.552.079	96.552.079
	7.139.599.068	96.552.079

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, số dư đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản góp vốn vào các công ty sau:

	Số tiền góp vốn	Tỷ lệ sở hữu tại
	VND	ngày 30/6/2012
		%
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí	65.000.000.000	5%
Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí Lam Kinh (*)	5.000.000.000	1%
	70.000.000.000	

(*) Công ty cam kết góp vốn vào Công ty Cổ phần khách sạn Dầu khí Lam Kinh với số tiền 20.000.000.000 VND, tương đương 4% vốn điều lệ. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, Công ty mới thực hiện góp 5.000.000.000 VND, tương đương 1% vốn điều lệ.

Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng rằng, vốn góp thực tế của các cổ đông vào Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí và Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí Lam Kinh vẫn thấp hơn vốn chủ sở hữu thực có tại thời điểm báo cáo tài chính của các Công ty này, nên không trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn.

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Chi phí trả trước về thuê hạ tầng bãi cảng Sao Mai Bến Đình, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	103.224.009.124	104.317.229.973
Lợi thế kinh doanh	1.279.580.556	2.376.363.889
Giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng	8.665.352.448	10.594.731.218
	113.168.942.128	117.288.325.080

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Vay ngắn hạn (*)	128.772.625.513	85.471.501.040
Nợ dài hạn đến hạn trả	181.169.090.000	202.338.184.000
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	758.087.665	1.499.993.244
	310.699.803.178	289.309.678.284

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, số dư vay ngắn hạn bao gồm các khoản sau:

- (i) Khoản vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC) - Chi nhánh Vũng Tàu theo Hợp đồng tín dụng số 04/2012/HĐTDHM-TCĐK-CNV.TĐ&QLTD ngày 17 tháng 5 năm 2012. Khoản vay này được rút bằng Đồng Việt Nam với hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 VND trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất ngắn hạn do bên PVFC công bố tại thời điểm Công ty rút vốn và ghi cụ thể trong từng kế ước nhận nợ (trong 6 tháng đầu năm 2012, lãi suất thay đổi từ 19,8%/năm đến 21%/năm).

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu

Báo cáo tài chính

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

- (ii) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam (VIB) - Chi nhánh Vũng Tàu theo Hợp đồng tín dụng số 0005/HĐTD2-VIB622/11 ngày 05 tháng 01 năm 2011 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 0005.1/PLHĐ1-VIB662/12 ngày 16 tháng 01 năm 2012. Khoản vay này được rút bằng Đồng Việt Nam với hạn mức tín dụng là 55.411.000.000 VND, thời hạn vay theo thời hạn của từng khế ước nhận nợ, tối đa mỗi khế ước không quá 6 tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo, lãi suất được ghi cụ thể trong từng khế ước nhận nợ (trong 6 tháng đầu năm 2012, lãi suất thay đổi từ 17%/năm đến 21,5%/năm).
- (iii) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MB) - Chi nhánh Vũng Tàu theo Hợp đồng tín dụng số 236/2011/TD-MB-VTA ngày 01 tháng 9 năm 2011. Khoản vay này được rút bằng Đồng Việt Nam với hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 VND, trong vòng 12 tháng, đáo hạn vào ngày 01 tháng 9 năm 2012. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo, lãi suất được ghi cụ thể trong từng khế ước nhận nợ (trong 6 tháng đầu năm 2012, lãi suất khoản vay này thay đổi từ 14%/năm đến 19,2%/năm).
- (iv) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu theo Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTDTM ngày 28 tháng 6 năm 2012. Khoản vay này được rút bằng Đồng Việt Nam với hạn mức tín dụng là 64.000.000.000 VND, trong vòng 9 ngày, đáo hạn vào ngày 06 tháng 7 năm 2012. Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu với tổng số tiền gửi là 70.000.000.000 VND. Khoản vay chịu lãi suất 15%/năm.

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	11.306.642.394	1.843.075.566
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.126.581.043	11.607.344.480
Thuế thu nhập cá nhân	785.920.335	2.866.591.676
Thuế khác	-	1.006.559.992
	20.219.143.772	17.323.571.714

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Chi phí trích trước liên quan tới TSCĐ tạm tăng	31.394.266.206	110.841.480.640
Chi phí trích trước của các công trình xây lắp do Công ty thực hiện	63.115.337.485	46.287.335.051
Chi phí lãi vay dự trả	949.047.547	18.128.643.936
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	103.612.260	103.612.260
	95.562.263.498	175.361.071.887

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu

Báo cáo tài chính

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay dài hạn	439.816.081.748	439.816.081.748
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương - Chi nhánh Vũng Tàu (i)	320.000.000.000	320.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu (ii)	78.038.996.561	78.038.996.561
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu (iii)	10.377.085.187	10.377.085.187
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (iv)	31.400.000.000	31.400.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn (v)	5.833.249.707	5.832.516.707
	<u>445.649.331.455</u>	<u>445.648.598.455</u>

Vay dài hạn thể hiện:

- (i) Tại ngày 26 tháng 6 năm 2011, Công ty ký Hợp đồng tín dụng số 083/HDTD1-OCEANBANK.790-PVCMS với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương - Chi nhánh Vũng Tàu, với hạn mức vay là 480.000.000.000 VND. Khoản vay này chịu lãi suất 9,6%/năm, thời hạn vay tối đa không quá 3 năm. Khoản vay được sử dụng để thực hiện đầu tư dự án xây dựng bãi cảng chế tạo kết cấu kim loại và thiết bị Dầu khí Sao Mai - Bến Đình và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư gốc vay phải trả tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 là 480.000.000.000 VND, trong đó, số dư đến hạn trả trong vòng 1 năm là 160.000.000.000 VND.
- (ii) Tại ngày 30 tháng 7 năm 2010, Công ty ký Hợp đồng tín dụng số 0199/HDTD2-VIB622/10 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu, với hạn mức vay là 80.000.000.000 VND. Khoản vay này chịu lãi suất thả nổi và áp dụng tại thời điểm giải ngân, quy định trên từng khế ước vay, thời hạn vay trong 6 năm. Công ty sử dụng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là công trình Khu phức hợp chung cư và cao ốc văn phòng tại số 2 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu để thế chấp cho khoản vay này. Số dư gốc vay phải trả tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 là 68.000.003.000 VND, trong đó, số dư đến hạn trả trong vòng 1 năm là 7.999.994.000 VND.
- Tại ngày 05 tháng 01 năm 2011, Công ty ký Hợp đồng tín dụng số 0006/HDTD2-VIB622/11 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu, với hạn mức vay là 29.000.000.000 VND. Khoản vay này chịu lãi suất thả nổi và áp dụng tại thời điểm giải ngân, quy định trên từng khế ước vay, thời hạn vay trong 6 năm và được bảo lãnh bởi Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Số dư gốc vay phải trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 20.813.807.561 VND, trong đó, số dư đến hạn trả trong vòng 1 năm là 2.774.820.000 VND.
- (iii) Tại ngày 08 tháng 10 năm 2009, Công ty ký Hợp đồng tín dụng số 27/2009/HDTDTH-TC DK.CNVT.TD với Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu, với hạn mức vay là 31.155.520.000 VND. Khoản vay này được Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam bảo lãnh, thời hạn vay trong 5 năm, lãi suất thả nổi, được quy định theo từng khế ước vay. Số dư gốc vay phải trả tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 là 12.971.361.187 VND, trong đó, số dư đến hạn trả trong vòng 1 năm là 2.594.276.000 VND.
- (iv) Tại ngày 03 tháng 11 năm 2011, Công ty ký Hợp đồng tín dụng số 264/11/HDTDTH/DH với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Vũng Tàu, với hạn mức vay 47.000.000.000 VND. Khoản vay này chịu lãi suất thả nổi tại thời điểm giải ngân và được điều chỉnh 03 tháng/lần, thời hạn vay trong 36 tháng. Công ty sử dụng 2 xe cầu bánh xích mới mua trong năm 2011 với nguyên giá 73.851.390.000 VND để thế chấp cho khoản vay này. Số dư gốc vay phải trả tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 là 39.200.000.000 VND, trong đó, số dư đến hạn trả trong vòng 1 năm là 7.800.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Trong vòng một năm	181.169.090.000	202.338.184.000
Trong năm thứ hai	181.169.090.000	202.338.184.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	258.646.991.748	237.477.897.748
	620.985.171.748	642.154.265.748
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	181.169.090.000	202.338.184.000
Số phải trả sau 12 tháng	439.816.081.748	439.816.081.748

- (v) Số dư nợ thuê tài chính dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 với số tiền 6.591.337.372 VND, trong đó, số dư đến hạn trả trong vòng 1 năm là 758.087.665 VND thể hiện các khoản nợ thuê 07 xe ô tô dài hạn của Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam. Công ty trả trước cho Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam số tiền tương đương 15% giá trị tài sản thuê và ký cược số tiền tương đương 10% giá trị tài sản thuê. Số tiền cho thuê tương đương 85% giá trị tài sản thuê cộng (+) 100% phí bảo hiểm, giá trị mua lại là 1% giá trị tài sản thuê. Lãi suất cho thuê tạm thời (trong thời gian chưa bắt đầu thanh toán tiền thuê) cụ thể theo từng hợp đồng thuê (từ 16,5%/năm đến 17,5%/năm). Sau đó, lãi suất cho thuê bằng 2,5%/năm cộng (+) lãi suất cơ bản là lãi suất trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng, trả lãi cuối kỳ, áp dụng cho khách hàng cá nhân của ba ngân hàng bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Sở giao dịch, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Sở Giao dịch và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Sở Giao dịch. Thời hạn cho thuê là 60 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng.

Các khoản nợ thuê tài chính được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Trong vòng một năm	758.087.665	1.499.993.244
Trong năm thứ hai	758.087.665	1.536.452.178
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	5.075.162.042	4.296.064.529
	6.591.337.372	7.332.509.951
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	758.087.665	1.499.993.244
Số phải trả sau 12 tháng	5.833.249.707	5.832.516.707

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẬP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thăng Nhất, thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2011	200.000.000.000	-	-	58.981.927.309	258.981.927.309
Nhận vốn góp từ các cổ đông	175.180.010.000	-	-	-	175.180.010.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	108.487.596.096	108.487.596.096
Phân phối quỹ	-	17.588.336.323	4.397.084.080	(21.985.420.403)	-
Chia cổ tức năm 2010	-	-	-	(12.104.266.667)	(12.104.266.667)
Tạm chia cổ tức năm 2011	-	-	-	(56.277.001.500)	(56.277.001.500)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(8.609.564.001)	(8.609.564.001)
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2012	375.180.010.000	17.588.336.323	4.397.084.080	68.493.270.834	465.658.701.237
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	60.113.068.286	60.113.068.286
Phân phối quỹ (i)	-	24.954.054.466	6.238.513.617	(31.192.568.083)	-
Chia cổ tức trong kỳ (i)	-	-	-	(11.254.590.300)	(11.254.590.300)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	(12.477.027.234)	(12.477.027.234)
Chi thường Ban quản lý Công ty	-	-	-	(1.084.875.961)	(1.084.875.961)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012	375.180.010.000	42.542.390.789	10.635.597.697	72.597.277.542	500.955.276.028

(i) Theo Nghị quyết số 53/NQ-KCKL-ĐHĐCĐ ngày 07 tháng 04 năm 2012, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án phân chia lợi nhuận năm 2011 như sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển: 24.954.054.466 VND;
- Trích quỹ dự phòng tài chính: 6.238.513.617 VND;
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 12.477.027.234 VND;
- Thường Ban quản lý Công ty: 1.084.875.961 VND;
- Chia cổ tức: 67.532.401.800 VND.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã thực hiện tạm chia cổ tức năm 2011 cho các cổ đông với số tiền là 56.277.001.500 VND. Trong 6 tháng đầu năm 2012, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức của năm 2011 cho các cổ đông với số tiền là 11.254.590.300 VND và chưa chia cổ tức còn lại với số tiền là 810.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu

Báo cáo tài chính

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế thay đổi lần thứ 5 ngày 26 tháng 11 năm 2011, vốn điều lệ của Công ty là 375.180.010.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp tại ngày	
	VND	%	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	204.000.000.000	54	204.000.000.000	204.000.000.000
Các cổ đông khác	171.180.010.000	46	171.180.010.000	171.180.010.000
	375.180.010.000	100	375.180.010.000	375.180.010.000

Cổ phiếu

	30/6/2012 Số lượng cổ phiếu	31/12/2011 Số lượng cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	37.518.001	37.518.001
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	37.518.001	37.518.001
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

21. DOANH THU

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 VND	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	730.503.939.891	365.171.215.105
Doanh thu kinh doanh bất động sản	18.805.294.919	-
Doanh thu hoạt động khác	2.236.255.039	58.655.613.319
	751.545.489.849	423.826.828.424

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 VND	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	585.111.188.833	251.260.780.335
Giá vốn kinh doanh bất động sản	18.805.294.919	-
Giá vốn hoạt động khác	1.552.088.752	57.220.674.184
	605.468.572.504	308.481.454.519

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu

Báo cáo tài chính

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.712.156.827	4.984.744.166
Lãi chuyển nhượng cổ phần	2.080.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	456.894.555	90.497.300
	13.249.051.382	5.075.241.466

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
	VND	VND
Chi phí lãi vay	53.971.396.519	16.184.841.879
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.308.853.938	-
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	72.072.555	-
Chi phí tài chính khác	231.114.000	-
	55.583.437.012	16.184.841.879

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	138.713.308.323	127.156.315.594
Chi phí nhân công	150.837.096.397	188.677.231.972
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.925.314.435	8.589.347.829
Chi phí thuê phụ	238.318.897.775	5.066.246.084
Chi phí dịch vụ mua ngoài	133.744.174.911	42.950.325.961
Chi phí khác	6.171.877.606	1.238.041.726
	691.710.669.447	373.677.509.166

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	80.659.895.406	78.323.777.255
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	1.527.413.074	523.039.220
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	1.527.413.074	523.039.220
Thu nhập chịu thuế	82.187.308.480	78.846.816.475
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.546.827.120	19.711.704.118
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20.546.827.120	19.711.704.118

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	60.113.068.286	58.536.856.560
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	37.518.001	20.681.256
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.602	2.830

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 16 và số 19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ 30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	144.338.615.406	256.885.890.793
Phải thu khách hàng và phải thu khác	437.298.413.848	301.774.845.663
Cầm cố, ký quỹ, ký cược	4.252.664.247	975.611.000
Đầu tư dài hạn	70.000.000.000	55.000.000.000
Tổng cộng	655.889.693.501	614.636.347.456
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	749.757.797.261	727.625.766.788
Phải trả người bán và phải trả khác	257.670.670.020	153.250.839.004
Chi phí phải trả	95.562.263.498	175.361.071.887
Nợ thuê tài chính	6.591.337.372	7.332.509.951
Tổng cộng	1.109.582.068.151	1.063.570.187.630

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/6/2012	31/12/2011	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
<i>Đô La Mỹ (USD)</i>	153.837.169.059	49.587.523.875	256.049.844.039	90.901.632.316
<i>Yên Nhật (JPY)</i>	1.293.145.810	1.305.462.412	-	-

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 29.

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu

Báo cáo tài chính

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ phòng dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

30/6/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	309.941.715.513	439.816.081.748	749.757.797.261
Phải trả người bán và phải trả khác	257.670.670.020	-	257.670.670.020
Chi phí phải trả	95.562.263.498	-	95.562.263.498
Nợ thuê tài chính	758.087.665	5.833.249.707	6.591.337.372
31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	287.809.685.040	439.816.081.748	727.625.766.788
Phải trả người bán và phải trả khác	153.250.839.004	-	153.250.839.004
Chi phí phải trả	175.361.071.887	-	175.361.071.887
Nợ thuê tài chính	1.499.993.244	5.832.516.707	7.332.509.951

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/6/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	144.338.615.406	-	144.338.615.406
Phải thu khách hàng và phải thu khác	437.298.413.848	-	437.298.413.848
Cầm cố, ký quỹ, ký cược	388.432.247	3.864.232.000	4.252.664.247
Đầu tư dài hạn	-	70.000.000.000	70.000.000.000
31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	256.885.890.793	-	256.885.890.793
Phải thu khách hàng và phải thu khác	301.774.845.663	-	301.774.845.663
Cầm cố, ký quỹ, ký cược	300.000	975.311.000	975.611.000
Đầu tư dài hạn	-	55.000.000.000	55.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, công nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá các khoản phải thu và tiền của Công ty. Ban Giám đốc đã có kế hoạch để giải quyết vấn đề thanh khoản của Công ty từ việc sử dụng khoản cấp tín dụng của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HD Bank) - Chi nhánh Vũng Tàu, số tiền là 480 tỷ đồng, với thời hạn 5 năm (xem Thuyết minh số 30) để tất toán khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương - Chi nhánh Vũng Tàu, số tiền là 480 tỷ đồng (trong đó, vay dài hạn đến hạn trả là 160 tỷ đồng), thời hạn 3 năm.

29. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
	VND	VND
Doanh thu		
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	122.881.130.013	283.393.824.681
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	47.441.682.315	34.237.842.439
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	2.817.407.385	9.607.705.526
Ban Điều hành dự án Nhà máy khí điện Nhơn Trạch 2	-	5.006.197.222
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	4.377.001.185	3.539.234.400
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí	3.297.614.771	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	2.626.885.000	-
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	1.138.692.009	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình	875.487.525	29.733.925.852
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	443.299.043	-
Thuê thi công các công trình xây lắp		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng	59.264.317.260	-
Công trình Dầu khí biển PTSC		
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí biển	10.518.781.000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	2.721.825.316	1.216.779.160
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	-	69.787.011.453
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	-	48.360.995.835
Chi phí lãi vay		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	9.651.207.393	7.982.165.547
Thu nhập của Ban Giám đốc		
Lương	2.311.291.000	984.204.000
Tiền thưởng	1.084.875.961	1.486.775.762
Cổ tức đã trả cho các cổ đông	11.254.590.300	12.093.323.809

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư với các bên liên quan như sau:

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Liên doanh Việt - Nga Vietsovetro	33.682.029.883	10.599.377.586
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	8.960.913.600	-
Ban điều hành Dự án Nhà máy khí điện Nhơn Trạch 2	5.925.614.721	5.924.614.721
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống bể chứa Dầu khí	2.731.434.804	4.204.479.404
Ban điều hành dự án 5B-Cảng sản xuất Nhà máy lọc dầu Dung Quất	3.919.952.437	3.919.952.437
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và lắp máy Dầu khí	696.430.200	696.430.200
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	150.480.000	429.509.373
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thái Bình Dương	-	246.764.917
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu Khí Miền Trung	192.300.573	192.300.573
Trả trước cho người bán		
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu Khí Miền Trung	5.641.481.744	2.644.925.650
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	2.272.205.272	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu Tư và Thiết kế Dầu Khí	-	1.888.638.604
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	1.024.723.492	1.024.723.492
Phải trả người bán		
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	-	26.934.993.937
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	6.733.447.001	12.733.447.001
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thái Bình Dương	868.707.672	2.931.137.672
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	1.625.037.800	2.519.783.730
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình	-	438.416.275
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt và Bảo dưỡng Công trình	35.227.238.772	-
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật khoan Dầu khí	11.424.200.302	11.537.181.840
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	1.453.428.882	-
Người mua trả tiền trước		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	8.956.613.366	28.943.334.224
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	-	20.000.000.000
Vay		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu		
- Vay ngắn hạn	5.811.179.977	51.712.006.411
- Nợ dài hạn đến hạn trả	2.594.276.000	5.188.552.000
- Vay dài hạn	10.377.085.187	10.377.085.187
Cổ tức phải trả cho các cổ đông		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	5.100.000.000
Các cổ đông khác	39.836.620	32.467.858

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu

Báo cáo tài chính

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***30. SỰ KIẾN SAU NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2012**

Ngày 02 tháng 8 năm 2012, Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HD Bank) - Chi nhánh Vũng Tàu (HDBank) có thông báo số 99/12/TB về việc chấp thuận tái tài trợ dự án bãi cảng chế tạo kết cấu kim loại và thiết bị Dầu khí Sao Mai - Bến Đình của Công ty. Theo đó, HDBank đã đồng ý cấp cho Công ty 480 tỷ đồng, thời hạn rút vốn là 30 ngày và thời hạn vay là 5 năm, lãi suất theo quy định của HDBank. Phương thức thanh toán là trả lãi 3 tháng/lần tính trên dư nợ thực tế, trả gốc 6 tháng/lần được chia đều trong 5 năm.

31. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là xây lắp. Trong kỳ, Công ty không có hoạt động sản xuất kinh doanh nào khác trọng yếu, theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 liên quan đến hoạt động xây lắp.

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý nào ngoài với Việt Nam.

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Công ty. Ban Giám đốc Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Giám đốc Công ty không thể lượng hóa được sự ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công, và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.



Nguyễn Đình Thế
Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2012

Nguyễn Đức Đạt
Kế toán trưởng